

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THẠ XUÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2017/ HSST
Ngày: 29/12/2017

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Phương T**

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà **Nguyễn Thị Hồng**

Ông Đỗ Quang Linh

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Hà Phương Ánh Nguyệt-**

Cán bộ Tòa án nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội:** Bà **Nguyễn Bích Thủy-** Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội, Tòa án nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 200/2017/HSST ngày 20.11.2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NGUYỄN HỮU C, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 13C tổ 1, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: số 13C tổ 1, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Hữu T; con bà Đỗ Thị L.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 15.6.2017; tạm giam ngày 21.6.2017.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam số 1- Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: NGUYỄN THA H, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 18, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở: Khối 18, phường H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 7/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn Hữu Đức; con bà Nguyễn Thị Phúc.

* Nhân thân:

- Ngày 08.6.2011, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 23.6.2011, Tòa án nhân dân huyện Diễn Châu xử phạt 20 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ra trại ngày 30.8.2013. Nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 26.12.2011. Chấp hành án cùng với hình phạt 21 tháng tù của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, ra trại ngày 30.8.2013.

Hiện đã được xóa án tích.

Tạm giữ ngày 15.6.2017; tạm giam ngày 21.6.2017.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam số 1- Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: VUÔNG HOÀNG A, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 22^a Chùa Liên Phái, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: số 8M3, tập thể M, phường B, quận H, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Vương Bá C (đã chết); con bà Hoàng Thị Kim T.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 15.6.2017; tạm giam ngày 21.6.2017.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: TRẦN SỸ T sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 1 lô 4 Trại Găng, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: số 1 hẻm 12/15/299 tổ 45B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 9/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Trần Sỹ Trúc (đã chết); con bà Nguyễn Thị Nhân.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 15.6.2017; tạm giam ngày 21.6.2017.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam số 1- Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: NGUYỄN VĂN L, sinh năm 1991;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm M, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở: xóm M, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Nguyễn A Đào; con bà Nguyễn Thị Ngân Hà.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ ngày 15.6.2017; tạm giam ngày 21.6.2017.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Chị Trần Thị T, sinh năm 1967

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 7, khu 7, phường N, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tra luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Nguyễn Hữu C, Trần Sỹ T Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Nguyễn Văn L là nhân viên của cửa hàng cho vay tài chính dưới hình thức “bốc hộ” do A Vương Lý Ánh Hồng làm chủ, địa chỉ: Phòng 101 nhà 11 ngõ 41 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội. Ngày 01.6.2017, chị Trần Thị T có đến cửa hàng để vay tiền. C là người đứng ra làm thủ tục cho chị T vay 10.000.000 đồng. C đưa lại cho chị T 7.600.000 đồng, giữ lại 2.000.000 đồng tiền lãi và 400.000 đồng tiền đóng “hộ” của hai ngày đầu. Chị T phải trả cho C mỗi ngày 200.000 đồng trong vòng 50 ngày. Hai ngày 03 và 04.6.2017, chị T đều đóng đủ mỗi ngày 200.000 đồng nhưng ngày 05 và 06.6.2017, chị T không đến đóng tiền. Đến khoảng hơn 18 giờ ngày 06.6.2017, qua kiểm tra sổ sách Hoàng A thấy chị T chậm đóng “hộ” 02 ngày nên đã nhắc với C. Do vậy, C rủ L, TH, Hưng (hiện chưa xác định được đối tượng Hưng) đi đến nhà chị T bằng xe máy để đòi nợ. C sử dụng xe máy nhãn hiệu Piagio LX màu đỏ, biển kiểm soát 29H1-780.41 chở L, Tú sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Wave bạc (hiện không xác định được) đèoH, còn Hưng đi một mình bằng xe máy nhãn hiệu Dream (hiện không xác định được) đến nhà chị T thuê tại số 2C23 ngõ 240 Tân Mai, quận H, thành phố Hà Nội. Đến nơi thì chị T không có ở nhà nên cả bọn đứng ngoài đợi. Chờ được một lúc thì Tú đi xe máy về nhà ăn cơm. Khoảng 30 phút sau thì chị T về, C đòi tiền, chị T nói không có nên C yêu cầu chị T về cửa hàng tại phòng 101 nhà 11 ngõ 41 đường Trường Chinh để nói chuyện. Chị T đồng ý. Khi C cùng đồng bọn đưa chị T về cửa hàng thì cùng lúc đó Tú cũng quay lại cửa hàng. Lúc này, trong cửa hàng có Nguyễn A Tuấn (sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: 28B- A3 Tân Mai, H, Hà Nội là nhân viên của cửa hàng) đang ngồi ở bàn máy tính đeo tai nghe và chơi điện tử. C, L, TH, Hưng đưa chị T vào phòng và C yêu cầu chị T ngồi xuống ghế bên bàn uống nước quay lưng ra cửa ra vào, C ngồi đối diện với chị T cònH, T L, Hưng đứng, ngồi xung quA trong phòng. Để tránh mọi người biết chuyện nên Hưng kéo cửa cuốn xuống và đóng cửa kính của cửa hàng. Mặc dù chưa đến kỳ hạn trả toàn bộ số nợ nhưng vì C biết được hiện tại chị T nợ tiền nhiều người và chị T sắp trả nhà đang ở, do sợ không tìm được chị T nên C yêu cầu chị T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 9.200.000 đồng nhưng chị T không có tiền và xin khất trả sau. Thấy

chị T không chịu trả tiền nên C chửi bới, bắt chị T phải trả tiền ngay. Trong lúc đang nói chuyện thì Vương Hoàng A đến cửa hàng, Hưng mở cửa cho Hoàng A vào trong phòng rồi lại đóng cửa lại. Sau đó Hoàng A ngồi vào ghế ở bàn máy tính, còn Tuấn ra ngồi cạnh C và tiếp tục đeo tai nghe chơi điện tử trên điện thoại. Trong quá trình đòi nợ, chị T nói không có tiền trả nên H, Hưng, Hoàng A lần lượt tát vào mặt chị T mỗi người một cái, đồng thời chửi bới và bắt chị T trả nợ. Chị T nói không có tiền trả, C bắt chị T gọi điện cho con gái chị T để mang tiền đến trả nhưng con gái không nghe máy, C giật máy điện thoại của chị T mục đích lấy số điện thoại của con gái chị T (sau đó C trả luôn cho chị T) và sử dụng điện thoại của C gọi điện cho con gái chị T bảo mang tiền trả hộ cho chị T nhưng con gái chị T nói không có tiền. Chị T tiếp tục xin khất nợ nhưng C không đồng ý. Trước đó, trong lúc đợi chị T về thì C biết chị T có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Backhand Sunfat màu đen biển kiểm soát 29X3- 8344, số khung: 87261, số máy: 87261 và 02 con chó phốc (trong đó có một con màu vàng và một con màu đen) nên yêu cầu chị T phải đưa cho chiếc xe máy và 02 con chó trên, khi nào có tiền trả thì đến chuộc lại sau. Do sợ tiếp tục bị đánh nên chị T xin chỉ giao xe máy, còn 02 con chó để lại nuôi nhưng C không đồng ý. Chị T buộc phải đồng ý giao cả 01 xe máy và 02 con chó phốc cho C. Sau đó, C cùng H, Hưng, L, Tú ra lấy xe máy để về nhà chị T lấy xe máy và chó. Khi đi ra khỏi cửa hàng, Hưng túm tóc giật ngược làm chị T ngã ra vỉa hè rồi dùng chân đạp vào mặt chị T. Sau đó, C sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio LX màu đỏ, biển kiểm soát: 29H1-780.41 chở L, Tú sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Wave bạc (hiện không xác định được) chở H, do xe máy của Hưng hết xăng nên Hưng lấy xe máy Honda Wave màu đỏ- đen biển kiểm soát 29V7-5646 của Hoàng A chở chị T về nhà chị T ở số 2C23 ngõ 240 Tân Mai, H, Hà Nội. Khoảng ít phút sau thì Hoàng A đóng cửa hàng và nhờ Tuấn đưa Hoàng A đến nhà chị T để lấy xe máy vì trước đó Hưng đi xe máy của Hoàng A. Khi Hoàng A và Tuấn đến nơi thì Hoàng A lấy xe máy Honda Wave màu đỏ- đen biển kiểm soát 29V7-5646 từ Hưng rồi cùng Tuấn đi về luôn. Còn chị T sau khi về đến nhà, mở cửa nhà lấy 01 chiếc lồng sắt bên trong có 02 con chó phốc, giống chó phốc hươu (01 con màu vàng cao khoảng 25cm, nặng 4kg và 01 con màu đen cao

khoảng 25cm, nặng khoảng 4,5kg) đưa cho C, C đưa lại cho L. Tiếp đó chị T đưa chìa khóa cùng 01 xe máy nhãn hiệu Backhand Sunfat màu đen biển kiểm soát 29X3-8344, số khung: 87261, số máy: 87261 cho Hưng. C đèo L cầm 01 lồng sắt chứa 02 con chó phốc về cất ở nhà C, còn Hưng đi xe máy trên về gửi xe máy ở bãi xe trên đường Nguyễn Đức Cảnh, Tương Mai, H, Hà Nội. Đến khoảng 19h 00 phút ngày 07.06.2017, chị T đến cửa hàng tại phòng 101 nhà 11 ngõ 41 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội để trả cho C số tiền 7.200.000 đồng, xin 02 con chó và xe máy. C cầm tiền nhưng yêu cầu chị T phải trả thêm 2.000.000 đồng thì mới cho mang xe máy và chó về. Đến ngày 08.06.2017, chị T đưa tiếp cho C 2.000.000 đồng để chuộc lại xe máy và chó. C cầm tiền và bảo chị T trả thêm 400.000 đồng tiền trông, mua thức ăn nuôi chó. Chị T thỏa thuận với C chỉ trả 200.000 đồng tiền trông nuôi chó. C đồng ý. Chiều cùng ngày, chị T đưa thêm cho C 200.000 đồng. C bảo Hưng đưa chị T đến bãi gửi xe trên đường Nguyễn Đức Cảnh để lấy xe máy trả cho chị T, còn chó thì hẹn hôm sau đến lấy (vì C để chó ở nhà). Sau khi nhận 9.200.000 đồng của chị T, C đã đưa lại cho Hoàng A để nộp về cửa hàng, còn C giữ lại 200.000 đồng là tiền thỏa thuận chị T trả trông nuôi 02 con chó. Đến chiều ngày 09.6.2017, C mang 02 con chó đến trả cho chị T ở trước cửa hàng, khi vừa đưa lồng chó cho chị T thì đối tượng Tuấn cùng 02 nam thA niên khác (hiện chưa xác định được) đến giật lồng chó trong tay chị T. Do tiếp tục bị chiếm đoạt 02 con chó trên, nên chị T đã đến cơ quan công an để trình báo.

Quá trình điều tra truy xét đã làm rõ hành vi phạm tội của Nguyễn Hữu C, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L và Vương Hoàng A. Ngày 15.6.2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận ThA Xuân đã ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Hữu C, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L và Vương Hoàng A về hành vi cướp tài sản.

Ngày 19.6.2017, có 02 nam thA niên (hiện không xác định được) đã mang chiếc lồng sắt trong có 02 con chó phốc (01 con màu vàng và 01 con màu đen) đến nhà trả cho chị Trần Thị T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 746 ngày 21.7.2017 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự- Ủy ban nhân dân quận T kết luận:

- 01 cá thể chó màu đen (giống chó phốc hươu), cao khoảng 25cm, nặng khoảng 4,5kg, trị giá 2.000.000 đồng.

- 01 cá thể chó màu vàng (giống chó phốc hươu), cao khoảng 25cm, nặng khoảng 4kg, trị giá 1.500.000 đồng.

- 01 xe máy nhãn hiệu Backhand Sunfat màu đen, Biển kiểm soát 29X3-8344, số khung: 87261, số máy: 87261, trị giá 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản Nguyễn Hữu C, Nguyễn ThAH, Vương Hoàng A, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L chiếm đoạt là 5.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Hữu C, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L và Vương Hoàng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Đối với việc chị Trần Thị T bị Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Hưng đánh gây thương tích nhưng chị T đã từ chối đi giám định thương tích và hiện không yêu cầu, đề nghị gì. Tại cơ quan điều tra, chị T khai: 01 lồng sắt đựng 02 con chó phốc không có giá trị về kinh tế nên không yêu cầu định giá, không yêu cầu bồi thường gì và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L.

Đối với A Nguyễn A Tuấn và A Vương Lý Ánh Hồng, quá trình điều tra xác định A Tuấn, A Hồng không tham gia vào hành vi cướp tài sản. Về ý thức chủ quan, A Tuấn, A Hồng không biết việc Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L và đối tượng Hưng có hành vi cướp tài sản của chị Trần Thị T. Do vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên Hưng, Tuấn, quá trình điều tra chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể. Do vậy, cơ quan điều tra đã quyết định tách hồ sơ tài liệu để điều tra, xử lý sau.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ- đen biển kiểm soát 29V7-5646, qua điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Đặng Ngọc Diệp (chị họ Vương Hoàng A). Về ý thức chủ quan, khi cho Hoàng A mượn chiếc xe máy trên, không biết Hoàng A sử dụng đi cướp tài sản. Do vậy, cơ quan điều tra không thu giữ, không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Piaggio LX màu đỏ, biển kiểm soát: 29H1-780.41, qua điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Trần A Dũng (bạn xã hội của Nguyễn Hữu C). Về ý thức chủ quan, khi cho C mượn chiếc xe máy trên, không biết C sử dụng đi cướp tài sản. Do vậy, cơ quan điều tra không thu giữ, không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy Wave màu bạc do Trần Sỹ Tú sử dụng đi đến nhà chị Trần Thị T vào ngày 06.6.2017, do Tú khai mượn của một người bạn xã hội tên Tùng nhưng không biết rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, không nhớ biển kiểm soát xe, sau khi sự việc xảy ra đã trả xe lại cho Tùng. Do vậy, cơ quan điều tra không có căn cứ để làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 183/CT-VKT ngày 08.11.2017, Viện kiểm sát nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội đã truy tố Nguyễn Hữu C, Trần Sỹ T Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Nguyễn Văn L về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay,

Các bị cáo khai: Do chị Trần Thị T chậm trả tiền “họ” cho C nên các bị cáo đã đến nhà chị T, yêu cầu chị T về văn phòng tại địa chỉ: phòng 101 nhà 11 ngõ 41 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội để nói chuyện. Tại đây, các bị cáo đã có các hành vi: đóng cửa phòng, chửi bới bắt chị T phải trả tiền cho C, bị cáo H, bị cáo Hoàng A và đối tượng Hưng (chưa xác định được cụ thể) lần lượt tát vào mặt chị T, buộc chị T phải đồng ý đưa tài sản là chiếc xe máy Backhand Sunfat màu đen, biển kiểm soát 29X3- 8344, số khung: 87261, số máy 87261 và 02 con chó phốc cho các bị cáo. Các bị cáo ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để cho các bị cáo đ- ợc h- ớng mức án nhẹ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm: giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Hữu C, Trần Sỹ T Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Nguyễn Văn L về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 133, khoản 1; Điều 46 khoản 1 điểm p; khoản 2 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C từ 40 tháng đến 46 tháng tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn ThAH từ 40 tháng đến 46 tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Vương Hoàng A từ 36 tháng đến 42 tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Trần Sỹ Tú từ 36 tháng đến 42 tháng tù;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 36 tháng đến 42 tháng tù;
- Các bị cáo không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 133 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã đ- ợc thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên...

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an quận ThA Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận ThA Xuân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Chị Trần Thị T là người bị hại trong vụ án, đã được Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy báo đến phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình điều tra vụ án, chị Trần Thị T đã nhận lại tài sản bị cướp, không có yêu cầu các bị cáo bồi thường, quyền lợi của chị Trần Thị T đã được đảm bảo, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 191 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị T.

* Về tội dA và quyết định hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nh- : Bản kết luận định giá, lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng... có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 06.6.2017, Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L đã có hành vi dùng vũ lực chiếm đoạt tài sản gồm: 01 cá thể chó màu đen (giống chó phốc hươu), cao khoảng 25cm, nặng khoảng 4,5kg trị giá 2.000.000 đồng; 01 cá thể chó màu vàng (giống chó phốc hươu), cao khoảng 25cm, nặng khoảng 4kg, trị giá 1.500.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Backhand Sunfat màu đen, biển kiểm soát 29X3- 8344, số khung: 87261, số máy 87261 trị giá 1.500.000 đồng của chị Trần Thị T tại phòng 101 nhà 11 ngõ 41 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội. Tổng giá trị tài sản C,H, Hoàng A, T L cướp của chị T là 5.000.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, quy định tại Điều 133 khoản 1 của Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân quận ThA Xuân, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm sức khỏe của công dân được pháp luật bảo

vệ, gây mất trật tự trị an trong xã hội và gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Khi phạm tội, các bị cáo đều đã trưởng thành, nhận thức được đầy đủ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân vẫn cố ý thực hiện, thể hiện sự coi thường pháp luật của các bị cáo. Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, nghiêm khắc với các bị cáo, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

* Về đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án đồng phạm:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét vai trò của từng bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để cá thể hóa hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Hữu C là người trực tiếp cho chị T vay tiền, có quan hệ trực tiếp nhất đến hành vi phạm tội, rủ các bị cáo khác đến nhà chị T và đưa chị T về phòng 101 nhà 11 ngõ 41 đường Trường Chinh để thực hiện hành vi phạm tội, ngồi đối diện với chị T và chửi bới, trực tiếp yêu cầu chị T giao tài sản, gây áp lực bằng cách buộc chị T gọi điện cho con gái, bản thân cũng giật điện thoại của chị T để lấy số điện thoại trực tiếp gọi điện cho con gái chị T buộc giao tiền, là người hưởng lợi tài sản. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm nghiêm khắc nhất với vai trò là người khởi xướng, cầm đầu.

Bị cáo Nguyễn ThAH tham gia với vai trò rất tích cực, trực tiếp tát vào mặt chị T nhằm mục đích buộc chị T sợ mà phải giao tài sản, bản thân bị cáo đã 02 lần bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, đã được giáo dục pháp luật nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân, tiếp tục có hành vi phạm tội. Do đó, cần có mức án rất nghiêm khắc đối với bị cáo mới đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo Vương Hoàng A, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L tiếp nhận ý chí của bị cáo C tham gia với vai trò tích cực, gây áp lực cho chị T để chị T lo sợ phải giao tài sản. Do vậy, ba bị cáo cũng phải chịu một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L đều phạm tội lần đầu, người bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bản thân người bị hại cũng vi phạm về nghĩa vụ dân sự là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó, cũng giảm một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

* Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo bản thân không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cá bị cáo.

* Về bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu bị cáo bồi thường.

* Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ vật chứng gì.

* Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L phạm tội “Cướp tài sản”

2- Áp dụng: Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng: Điều 133 khoản 1; Điều 46 khoản 1 điểm p, khoản 2 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15.6.2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn ThAH 40 (bốn mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15.6.2017;

- Xử phạt bị cáo Vương Hoàng A 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15.6.2017;

- Xử phạt bị cáo Trần Sỹ Tú 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15.6.2017;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15.6.2017;

3. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Bồi thường dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu giải quyết.

5. Xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra không thu giữ vật chứng gì.

6. Án phí và quyền kháng cáo:

- Áp dụng: Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và dA mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Bị cáo Nguyễn Hữu C, Vương Hoàng A, Nguyễn ThAH, Trần Sỹ T Nguyễn Văn L mỗi người phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

☐n xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận ThA Xuân;
- CA Quận ThA Xuân;
- THADS quận ThA Xuân ;
- Bị cáo; L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOÁN PHIÊN TOÁN

PHƯƠNG T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

